

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

V/v tranh chấp “ Không công nhận vợ chồng giữa
anh Trần Văn Bé H với chị Võ Thị Hồng V ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hùng Dũng.

2. Ông Dương Hùng Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “ Không công nhận vợ chồng ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Trần Văn Bé H, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ số 859, tổ 18, khu vực Đ, phường T, quận N, thành phố C.

2. ***Bị đơn:*** Chị Võ Thị Hồng V, sinh năm 1982. (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ Ấp T, xã H, huyện C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn Bé H trình bày: Năm 2005, anh và chị Võ Thị Hồng V qua mai mối và được sự đồng ý của hai gia đình, anh và chị V tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung cháu Trần Văn P, sinh ngày 28/02/2006, hiện cháu P đang sống cùng với anh. Tuy nhiên, đến năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và chị V đem cháu P về nhà cha mẹ vợ sinh sống, đến năm 2009

chị V giao con lại cho anh nuôi dưỡng cho đến nay. Vợ chồng không sống chung từ năm 2007 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai. Nay, anh nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với chị V.

Về nuôi con chung: Cháu Trần Văn P có nguyện vọng ở cùng anh nên anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến trưởng thành, anh không yêu cầu chị V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Bé H và chị V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị Võ Thị Hồng V vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị V trình bày: Chị thống nhất với trình bày của anh Bé H về thời gian tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, con chung và nuôi con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung. Nay, chị thống nhất chấm dứt quan hệ như vợ chồng với anh Bé H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Bé H. Không công nhận anh Bé H và chị Võ Thị Hồng V là vợ chồng; Về nuôi con chung: Ghi nhận chị V đồng ý giao cháu Trần Văn P, sinh ngày 28/02/2006 cho anh Bé H nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Bé H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung ghi nhận anh Bé H và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận anh Bé H và chị V xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn Bé H thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Không công nhận vợ chồng và về nuôi con chung ” mà cụ thể anh Bé H yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với chị Võ Thị Hồng V. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Chị Võ Thị Hồng V vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt chị V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của anh Bé H và chị V là tự nguyện nhưng khi về sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ năm 2007 cho đến nay không sống chung với nhau, không ai quan tâm ai. Khi tiến hôn nhân anh Bé H và chị V đều xác định không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm P sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này* ”. Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận anh Bé H và chị V là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Ghi nhận chị V đồng ý giao cháu Trần Văn P, sinh ngày 28/02/2006 cho anh Bé H nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Bé H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho chị V không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh Bé H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị V.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ghi nhận anh Bé H và chị V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận anh Bé H và chị V xác định không có.

[6] Xét ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Văn Bé H phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn Bé H với chị Võ Thị Hồng V.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Bé H và chị V. Giao con chung cháu Trần Văn P, sinh ngày 28/02/2006 cho anh Bé H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh Bé H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho chị V không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh Bé H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị V.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận anh Bé H và chị V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận anh Bé H và chị V xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn Bé H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000321 ngày 16 tháng 6 năm 2017 thành tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi THADS huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thanh Huỳnh